

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Minh, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M qua tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống với nhau

như vợ chồng vào năm 1995, anh chị được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2004.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình cả hai không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh M có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị A có khuyên nhiều lần và tỏ ý muốn giải quyết khúc mắc nhưng anh M không sửa đổi; từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn được. Từ năm 2011 chị và anh M đã sống ly thân cho đến nay.

Nay, chị A xác định không còn tình cảm với anh M, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt không thể hàn gắn, chị A không thể tiếp tục chung sống với anh M. Do đó, chị A yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 26/4/1996 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/02/2001, hiện các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị A không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết, anh M có văn bản gửi Tòa án đồng thời theo biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020, anh M có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị A do anh đang đi làm chị A nộp đơn ly hôn thì tự chị A làm, khi nào anh làm đủ tiền trả hết nợ riêng của anh M thì anh về sống với chị A hoặc chị A muốn ly hôn thì lúc đó anh đồng ý. Tuy nhiên, anh M lại không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.*

*Đồng thời, Tòa án đã triệu tập anh M để hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng anh M đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh M tiếp tục vắng mặt không lý do.*

*\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp

luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn anh M. Về con: 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 26/4/1996 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/02/2001, hiện các con đã trưởng thành nên chị A, anh M không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh M. Bị đơn anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị A đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị A về việc yêu cầu ly hôn anh M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị A và anh M chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2004, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Chị A cho rằng anh M không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dù chị đã khuyên can nhiều lần để anh thay đổi cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh vẫn không thay đổi. Đồng thời tính tình của cả hai không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Do đó, cả hai đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết anh M có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị A nhưng lại không có động thái hàn gắn tình cảm với chị A.

[2.2] Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[2.3] Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Thế nhưng, anh M không quan tâm, chia sẻ với chị A, không có trách nhiệm với gia đình, chị A đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa chị A và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị A kiên yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ để chấp nhận.

Riêng, đối với anh M sau khi Tòa án thụ lý vụ án anh có lời khai trình bày muốn về chung sống với chị A nhưng khi Tòa án đã triệu tập anh M đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ thì không đến Tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ngày 12 tháng 10 năm 2020 và phiên tòa hôm nay anh M vẫn không có mặt, thể hiện anh M không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của chị A tại Tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh Nguyễn Văn M.

[3] Về nuôi con chung: Do 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 26/4/1996 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/02/2001, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được và chị A, anh M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị A, anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử :**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Do 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thùy Tr, sinh ngày 26/4/1996 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/02/2001, hiện Thùy Trang và Thùy Dương đã trưởng thành tự lao động sinh sống được và chị A, anh M không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn và bị đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp ngày 02/7/2020 theo biên lai số 0002861 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí. Như vậy chị A đã nộp xong.

Nguyên đơn (chị A) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn (anh M) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.<sup>(P)</sup>

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Minh Phong**